TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2017
"V/v: Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà, ông: Lương Sỹ Nam
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Trọng Kiêm
2. Bà: Trần Thị Thanh Tâm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà, bà: Phan Thị Ngọc Bích - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2017 tại hội trường xét xử của Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2016/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 07/4/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn, anh: Trần Q, sinh ngày: 24/3/1985 (có mặt)
Nơi ĐKNKTT: Khu tập thể C, tỉnh Phú Yên.
2. Bị đơn chị: Nguyễn Thị T, sinh ngày: 22/6/1986 (có mặt)
Trú tại: Khối 2, thị trấn X, huyện N, Hà Tĩnh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27 tháng 9 năm 2016 nguyên đơn là anh Trần Q trình bày như sau: Giữa nguyên đơn và bị đơn, chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 18/7/2013, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức theo truyền thống địa phương và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới anh Q và chị T về sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, đến thời điểm anh Q làm đơn ra Toà xin ly hôn với chị T thì hai người đã sống ly thân với nhau. Theo anh Q trong cuộc sống giữa anh và chị T có nhiều quan điểm sống khác nhau, có sự xô xát xảy ra cụ thể là khoảng tháng 8/2015 và tháng 9/2016. Sự việc của anh chị đã được gia đình nội ngoại hoà giải nhưng không đi đến kết quả gì. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn, anh Q yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Q và chị T có hai con chung là Trần Đình K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Trần Đình N, sinh ngày 13/01/2014 hiện đang sống với chị T, nguyện vong của anh Q là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Đình N.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và ngược lại.

Trong bản tự khai cũng như các buổi hòa giải chị T trình bày: Giữa chị T và anh Q kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, ngày tháng đăng ký két hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng như anh Q khai là hoàn toàn chính xác, về tình cảm chị T thống nhất thuận tình ly hôn với anh Q, về con chung chị T có ý kiến chị T sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Đình K, ngoài ra chị T có ý kiến: Sau khi ly hôn do cuộc sống khó khăn chị yêu cầu trợ cấp cho chị 30.000.000đ và trợ cấp nuôi con từ khi cháu Trần Đình N sinh ra cho đến nay là 28.000.000đ.

Ý kiến của anh Q về vấn đề trợ cấp khó khăn khi ly hôn là 15.000.000đ và trợ cấp tiền nuôi con từ khi cháu Trần Đình N sinh ra cho đến nay là 15.000.000đ.

Theo quy định của pháp luật, Toà án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo và ấn định thời gian hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về các nội dung của vụ án, nhưng tại buổi hoà giải các đương sự chỉ thống nhất được về mặt tình cảm, con chung còn trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn và trợ cấp nuôi con không thống nhất được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

Việc anh Q làm đơn xin được ly hôn với chị T là thuộc quyền của công dân được pháp luật quy định, anh Q đã cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của mình theo đúng quy định pháp luật, đơn khởi kiện của anh Q có hình thức và nội dung đầy đủ theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi đương sự cung cấp đầy đủ các chứng cứ liên quan thấy rằng nội dung khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân được quy định tại Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong đơn khởi kiện anh Q trình bày anh và chị T đến với nhau hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức đúng phong tục tập quán địa phương, hai ngườicũng đã có quãng thời gian chung sống hạnh phúc với nhau nhưng do cách sống khác nhau, không có sự bình đẳng trong cuộc sống nên hai người đã xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn hai người trở nên trầm trọng vào đầu năm 2015 cho đến nay.

Nguyên nhân dẫn đến việc anh Q làm đơn xin ly hôn là hai người có quan điểm sống khác nhau, không có sự bình đẳng trong cuộc sống. Khi sự việc đó xảy ra gia đình anh em nội ngoại đã hoà giải cũng như khuyên bảo nhưng không có kết quả, trong buổi hòa giải ngày 07/11/2016 anh Q và chị T thống nhất ly hôn, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm kiên

quyết ly hôn, còn chị T không muốn ly hôn. HĐXX thấy rằng hai vợ chồng đã sống ly thân, từ lâu không còn tình cảm, trong cuộc sống hai người đã từng xảy ra xô xát cãi vã, tại phiên tòa hôm nay thể hiện hai người không thể sống chung với nhau được nữa, hạnh phúc không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Q đó điều phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh Q và chị T có hai con chung là Trần Đình K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Trần Đình N, sinh ngày 13/01/2014. Tại phiên tòa hôm nay anh Q có quan điểm rằng, nguyện vọng của anh là đ- ợc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một trong hai cháu, cháu nào cũng được và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Còn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu vì từ nhỏ hai cháu đã ở với mẹ và yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng hai cháu hiện đang sống với chị T cuộc sống và sinh hoạt của hai cháu đang ổn định, từ khi sinh ra đến giờ sống với chị T, việc xáo trộn học hành, sinh hoạt của cháu là rất ảnh hưởng đến hai cháu, bên cạnh đó anh Q công tác xa nhà, ch- a có chỗ ở ổn định, hiện đang sống tập thể tại đơn vị, việc giao hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực trạng cuộc sống của hai bên và cuộc sống hiện tại của hai cháu và buộc anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Về số tiền trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn là 30.000.000đ và trợ cấp tiền nuôi cháu Trần Đình N từ khi sinh ra cho đến nay là 28.000.000đ, khi chị T có yêu cầu đó anh Q cũng chấp nhận là sẽ đóng, nhưng anh Q không chấp nhận số tiền trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn là 30.000.000đ và trợ cấp tiền nuôi cháu Trần Đình N là 28.000.000đ và anh Q cho rằng mặc dù anh Q có thu nhập ổn định nhưng hiện tại đang khó khăn anh Q chỉ chấp nhận trợ cấp cấp khó khăn khi ly hôn là 15.000.000đ và trợ cấp tiền nuôi con từ khi cháu Trần Đình N sinh ra cho đến nay là 15.000.000đ. Tại phiên Tòa hôm này anh Q thay đổi ý kiến, nếu như vợ chồng mỗi người nuôi mỗi đứa tôi sẽ chấp nhận, còn chị T yêu cầu nuôi hai đứa thì tôi sẽ không chấp nhận hai yêu cầu như chị T đã nêu ở trên, tại phiên Tòa hôm nay chị T cho rằng không phải là tiền trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn mà số tiền 30.000.000đ đó là số tiền bồi thường tuổi thanh xuân cho chị. HĐXX thấy rằng yêu cầu của chị T buộc anh Q bồi thường tuổi thanh xuân cho chị là không có cơ sở vì chị T không chứng minh được việc tổn thất tuổi thanh xuân là như thế nào, thứ hai pháp luật không quy định, còn tiền trợ cấp nuôi con từ khi cháu Trần Đình N sinh ra cho đến nay là 15.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay anh Q khai rằng hàng tháng anh có gửi tiền về nuôi con cho chị T, mỗi tháng gửi về một lần lúc khó khăn thi hai đến ba tháng lại gửi, chị T cũng thừa nhận điều đó, vì vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của chị T.

* Về án phí: Buộc anh Q phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 28 BLTTDS; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Trần Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu là Trần Đình K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Trần Đình N, sinh ngày 13/01/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi tr- ởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Q có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 900.000 (chín trăn ngàn đồng) đối với một cháu, một tháng đóng một lần kể từ ngày 26/5/2017. Anh Trần Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

5. Về án phí:

Áp dụng: khoản 4 Điều 147, điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 8, 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009. Buộc anh Trần Q phải nộp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000395 ngày 17 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Ngoài ra anh Trần Q phải đóng 200.000đ tiền án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án.

Anh Q, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán
(Đã ký, đóng dấu)

Lương Sỹ Nam

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CCTHADS huyện Nghi Xuân;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- L- u HS, VP.